TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - ĐẮK LẮK	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 47/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 07 - 7 - 2026
V/v ly hôn, tranh chấp chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Năng Quân

Các hội thẩm nhân dân gồm có:

1. Ông Nguyễn Khắc Vũ
2. Ông Trần Hữu Linh

- Thư ký phiên toà: Ông Phan Việt Tiệp - Thẩm tra viên Toà án nhân dân khu vực 9 - Đắk Lắk.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - tham gia phiên tòa: Ông Hồ Quang Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 9 - Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2025/TLST–HNGĐ, ngày 08 tháng 10 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp chia tài sản khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2026/QĐXX-ST, ngày 25 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1963; số căn cước công dân: 042163013545, cấp ngày 05/12/2024; trú tại: Thôn 2A (nay là thôn thôn 2) xã Ea Kh, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Tr, sinh năm 1947; số căn cước công dân: 052047002888, cấp ngày 28/6/2021; trú tại: Thôn 2A (nay là thôn 2) xã Ea Kh, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Hoàng Văn C - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước số 1 tỉnh Đắk Lắk. Địa chỉ: Số 82A Mai Hắc Đ, phường Buôn Ma Th, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Phùng Thân Á, sinh năm 1979 và bà Nguyễn Thị Gi, sinh năm 1986; trú tại: Thôn 17, xã Qùy H, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt

3.2. Ông Lưu Hiếu Ngh, sinh năm 1998; trú tại: Thôn 2A (nay là thôn 2), xã Ea Kh, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 16/9/2025, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Trước khi bà T và ông Tr về chung sống với nhau vào năm 2011 hai người đã có gia đình và con con riêng (các con riêng đã trưởng thành, chồng bà T đã chết, ông Tr đã ly hôn), hai người chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ea Nam (nay là xã Ea Khal), tỉnh Đắk Lắk, quá trình chung sống thường xuyên cãi vã, ông Tr có đánh đập, chửi bấy, xúc phạm danh dự, nhân phẩm bà T, ông Tr ham chơi cờ bạc không lo làm ăn, hiện này đã sống ly thân được một thời gian dài, nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Tr.

Về con chung: Bà T và ông Tr không có con chung.

Về cấp dưỡng: Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Bà T và ông Tr không có tài sản chung gì, nên không yêu cầu giải quyết.

Tuy nhiên, ông Tr cho rằng giữa bà T với ông Tr có tài sản chung là căn nhà cấp 04, lợp tôn, gác lửng xây năm 2018, hoàn thiện năm 2019, nên yêu cầu chia đôi, ông Tr có nguyện vọng được hưởng giá trị bằng tiền thì bà T không đồng ý bởi vì, nguồn gốc tạo lập căn nhà trên do bà T đi làm thuê và do con riêng của bà T là anh Lưu Hiếu Ngh đi xuất khẩu lao động bên Nhật Bản gửi tiền về để bà T xây dựng căn nhà trên, còn ông Tr không có công sức đóng góp và tạo lập gì, đồng thời ông Tr cũng thừa nhận đây là tài sản riêng của bà T và đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của ông Tr. Hiện nay tài sản trên bà T đã chuyển nhượng và làm thủ tục sang tên cho ông Á và bà Gi theo quy định của pháp luật.

- Qúa trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Tr; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là ông Hoàng Văn C trình bày:

Về hôn nhân: Ông Tr thống nhất với lời trình bày của bà T cụ thể, ông Tr và bà T chung sống với nhau vào năm 2011 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ea Nam (nay là xã Ea Khal), tỉnh Đắk Lắk, không bị ai ép buộc trong cuộc sống thỉnh thoảng có cãi vã nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện nay đã sống ly thân được một thời gian dài, nên bà T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với ông Tr thì ông Tr đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông Tr và bà T không có con chung.

Về cấp dưỡng: Ông Nguyễn Tr không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Ông Tr đề nghị Tòa án chia đôi giá trị ½ căn nhà cấp 4, lợp mái tôn, trần gỗ, gác lửng ông Trọng có nguyện vọng được hưởng giá trị bằng tiền, căn nhà trên được xây trên thửa đất 92, tờ bản đồ 118, diện tích 129,4m^2 là tài sản riêng của bà T. Nguồn gốc tạo lập căn nhà do ông Tr bán tài sản riêng ở bên Pleiku, tỉnh Gia Lai vào năm 2010 và tiền do ông Tr chăn nuôi mà có để cùng bà T xây dựng căn nhà trên.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phùng Thân Á và bà Nguyễn Thị Gig trình bày:*

Ngày 20/9/2025 vợ chồng tôi có nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị T một lô đất có diện tích 129,4m^2, thuộc thửa đất 92, tờ bản đồ 118 và tài sản trên đất (căn nhà cấp 4) tại thôn 2A, xã Ea Khal, tỉnh Đắk Lắk đây là tài sản riêng của bà Nguyễn Thị T, hiện nay thửa đất trên vợ chồng tôi đã đứng tên, đồng thời đang quản lý, sử dụng. Do đó, ông Tr khởi kiện yêu cầu chia căn nhà trên là không đúng, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lưu Hiếu Ngh trình bày:* Tôi là con trai của bà Nguyễn Thị T nguồn gốc xây dựng căn nhà cấp 4 trên, hiện đang tranh chấp giữa bà T với ông Tr là do công sức của tôi trong những năm tôi đi xuất khẩu lao động bên Nhật Bản gửi tiền về cho bà T xây dựng để mẹ tôi ở và có một phần tiền của mẹ tôi tích góp được trong thời gian đi làm Osin tại thành phố Hồ Chí Minh chứ ông Trọng không có công sức hay tạo lập gì đối với căn nhà trên. Việc mẹ tôi sang nhượng đất và căn nhà này cho người khác thì tôi không có ý kiến gì vì đây là tài sản riêng của mẹ tôi. Ngoài ra, tôi không trình bày gì thêm.

Theo biên bản xem xét thẩm định tài sản tại chỗ thể hiện: Nhà cấp 4 xây năm 2018 có diện tích 63,2m^2 (chiều ngang 04 m, chiều dài 15,8m), nền lát gạch hoa, trần gỗ, có gác lửng, lợp mái tôn. Ngôi nhà được xây dựng trên thửa đất thửa đất 92, tờ bản đồ 118, diện tích 129,4m^2 tại thôn 2A (nay là thôn 2) xã Ea Khal, tỉnh Đắk Lắk.

Theo biên bản định giá tài sản: Căn nhà cấp 4 đang tranh chấp giữa các đương sự, tại thời điểm định giá tài sản ngày 16/3/2026 có giá trị là 261.688.404 đồng.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 156, Điều 157, Điều 158, Điều 164, Điều 165 và Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Điều 39, Điều

43, Điều 44, Điều 51, Điều 55, khoản 4 Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T

Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Tr.

Về con chung: Các đương sự không có con chung, nên không xem xét

Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu, nên không xem xét.

Về tài sản chung: Các đương sự không có tài sản chung, nên không xem xét

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn của ông Nguyễn Tr với bà Nguyễn Thị T đối với căn nhà cấp 4, diện tích 63,2m^2 nền lát gạch hoa, trần gỗ, có gác lửng, lợp mái tôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp chia tài sản khi ly hôn", bị đơn cư trú tại thôn 2A (nay là thôn 2) xã Ea Khal, tỉnh Đắk Lắk, nên Tòa án nhân dân khu vực 9 - Đắk Lắk thụ lý và giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP, ngày 27/6/2025 hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Tr chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ea Nam (nay là UBND xã Ea Khal), tỉnh Đắk Lắk, theo quyển số 01 vào năm 2011, nên quan hệ hôn nhân giữa bà T với ông Tr là hợp pháp.

Theo hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự thể hiện: Trong cuộc sống bà T và ông Tr có xảy ra mâu thuẫn ông Tr có hành vi xúc phạm danh dự, nhân phẩm và có đánh đập bà T dẫn đến cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, hiện nay hai người không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống. Tại khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình"*, hai người đã sống ly thân, bà T không còn tình cảm với ông Tr nữa nếu tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân giữa hai người sẽ không mang lại hạnh phúc, còn làm tổn thương đến danh dự, nhân phẩm của nhau. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Tr thì ông Tr đồng ý, xét thấy việc thuận tình ly hôn

giữa đương sự là tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa bà T và ông Tr.

[2.2]. Về con chung: Các đương sự không có con chung, nên không xem xét

[2.3]. Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu, nên không xem xét.

[2.4]. Về tài sản chung: Ông Nguyễn Tr yêu cầu chia đôi căn nhà cấp 04 xây dựng năm 2018 có diện tích 63,2m^2 (chiều ngang 04 m, chiều dài 15,8m), nền lát gạch hoa, trần gỗ, có gác lửng, lợp mái tôn, căn nhà được xây trên thửa đất 92, tờ bản đồ 118, diện tích 129,4m^2 tại thôn 2A, xã Ea Khal, tỉnh Đắk Lắk, ông Tr có nguyện vọng được hưởng giá trị bằng tiền ½ giá trị căn nhà tương ứng với số tiền 130.844.202 đồng (theo kết quả định giá tài sản căn nhà cấp 4 đang tranh chấp có giá 261.688.404 đồng : 2 = 130.844.202 đồng). Tuy nhiên, bà Tuân không đồng ý vì đây là tài sản riêng của bà T.

Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự đều thừa nhận: Thửa đất số 92, tờ bản đồ số 118, diện tích 129,4m^2 được UBND huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk cấp cho bà Nguyễn Thị T theo GCNQSDĐ số DĐ 328648 ngày 11/7/2023 là tài sản riêng của bà Nguyễn Thị T, hiện nay thửa đất và tài sản trên đất bà Nguyễn Thị T đã chuyển nhượng và làm thủ tục sang tên cho ông Phùng Văn Á và bà Nguyễn Thị Gi, đồng thời bà T và ông Tr có xác lập "Giấy cam đoan tài sản riêng" ngày 31/01/2023 được công chứng tại Văn phòng Công chứng Trần Thị T theo số 23, quyển số 01/SCT-CK, tại "Giấy cam đoan tài sản riêng" là chữa ký, chữ viết của ông Tr và bà T, nên đây là tình tiết có thật không phải chứng minh theo điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Mặc dù, căn nhà cấp 04 có diện tích 63,2m^2, nền lát gạch hoa, trần gỗ, có gác lửng, lợp mái tôn được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân giữa bà T và ông Tr. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án bà T đã đã giao nộp và cung cấp tài liệu, chứng cứ là "Giấy cam đoan tài sản riêng" ngày 31/01/2023 được công chứng tại Văn phòng Công chứng Trần Thị T, theo số 23, quyển số 01/SCT-CK. Văn bản cam kết có nội dung: *"Bằng văn bản này tôi nhìn nhận việc tạo lập quyền sở hữu, sử dụng nhà, đất đối với thửa đất nêu trên hoàn toàn bằng công sức và tiền riêng của vợ tôi là bà Nguyễn Thị T, tôi không đóng góp gì trong việc tạo lập. Vì lẽ đó, quyền sở hữu, sử dụng nhà, đất đối với thửa đất nêu trên là của bà Nguyễn Thị T. Bà Nguyễn Thị T được toàn quyền quản lý, sử dụng, định đoạt và tôi không có bất kỳ tranh chấp nào"* (bút lục 27). Như vậy, nội dung của "Giấy cam đoan tài sản riêng" đã ghi nhận ý chí của ông Tr đối với việc xác nhận tài sản đang tranh chấp thuộc quyền sở hữu và sử dụng riêng của bà T. Tại khoản 3 Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *"Trong trường hợp không có căn cứ để chứng minh tài sản mà vợ, chồng đang có tranh chấp là tài sản riêng của mỗi bên thì tài sản đó được coi là tài sản chung"*, bà T đã cung cấp "Giấy cam đoan tài sản riêng" ngày 31/01/2023 và nguồn tiền xây dựng căn nhà đang tranh chấp do con riêng của bà T (anh Lưu Hiếu

Ngh) gửi về xây dựng (thể hiện qua giao dịch chuyển tiền), nên bà T đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 6, Điều 91, Điều 93, Điều 94 và Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự; còn ông Tr không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh tài sản đang tranh chấp là tài sản chung giữa ông Tr và bà T. Vì vậy, không có căn cứ xác định tài sản đang tranh chấp là tài sản chung giữa ông Tr và bà T. Tại khoản 1 Điều 44 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *"Vợ, chồng có quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản riêng của mình; nhập hoặc không nhập tài sản riêng vào tài sản chung",* tại khoản 4 Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *"Tài sản riêng của vợ, chồng thuộc quyền sở hữu của người đó, trừ trường hợp tài sản riêng đã nhập vào tài sản chung theo quy định của Luật này…"*. Do đó, bà T có quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt tài sản riêng của mình theo quy định của pháp luật.

[3]. Từ những nhận định và phân tích tại các đoạn nêu trên, đồng thời đánh giá chứng cứ một cách khách quan, toàn diện, đầy đủ và sự liên quan giữa các chứng cứ với nhau, giá trị chứng minh của từng chứng cứ mà đương sự đã cung cấp. Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ, nên cần chấp nhận, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông Tr về việc chia tài sản chung khi ly hôn với bà T đối với căn nhà cấp 04, có diện tích 63,2m^2, nền lát gạch hoa, trần gỗ, gác lửng, lợp mái tôn.

[4]. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Tr phải chịu số tiền 1.200.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tài sản tại chỗ và số tiền 1.000.000 đồng chi phí định giá tài sản. Số tiền này ông Nguyễn Tr đã nộp đủ và đã chi phí xong.

[5]. Về án phí sơ thẩm: Đương sự là người cao tuổi, nên được miễn án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 156, Điều 157, Điều 158, Điều 164, Điều 165 và Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Điều 39, Điều 43, Điều 44, Điều 51, Điều 55, khoản 4 Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình; căn cứ Điều 7 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của luật hôn nhân và gia đình.

1. Tuyên xử:

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị T với ông Nguyễn Tr.

Về con chung: Các đương sự không có con chung, nên không xem xét.

Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu, nên không xem xét.

Về tài sản chung: Các đương sự không có tài sản chung nên không xem xét.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn của ông Nguyễn Tr với bà Nguyễn Thị T đối với căn nhà cấp 04, có diện tích 63,2m^2, nền lát gạch hoa, trần gỗ, gác lửng, lợp mái tôn, tại thôn 2A (nay là thôn 2), xã Ea Khal, tỉnh Đắk Lắk.

Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Tr phải chịu số tiền 1.200.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tài sản tại chỗ và số tiền 1.000.000 đồng chi phí định giá tài sản. Số tiền này ông Nguyễn Trọng đã nộp đủ và đã chi phí xong.

Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Đương sự là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự ;
- Viện KSND khu vực 9;
- Phòng THADS khu vực 9;
- Toà án nhân dân tỉnh Đăk Lăk;
- UBND xã Ea Khal, Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Năng Quân